

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 159 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2023.

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Văn Nhơn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Huỳnh Văn Thanh**

Bà **Lê Thị Vân**

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Thùy Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Ngọc Trinh**- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 192/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023, các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Kim T**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ 11, ấp 17, xã LT, huyện CL, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt-có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Minh V**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ 11, ấp 17, xã LT, huyện CL, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Kim T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Minh V chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn ngày 28/8/2002 tại Ủy ban nhân xã LT, huyện CL, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, anh V thường hay uống rượu, khi uống rượu về thì hay chửi mắng, dọa giết, có nhiều lời lẽ xúc phạm chị. Năm 2019, chị đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện CL, nhưng được Tòa án hòa giải thành, chị rút đơn, vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên, thời gian sau đó vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn, anh V không thay đổi. Chị và anh V đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị và anh V có 02 con chung tên Nguyễn Trường D, sinh ngày 20/8/2003 đã trưởng thành và Nguyễn Trường S, sinh ngày 08/12/2005, hiện cháu S đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu S, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn chị anh Nguyễn Minh V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên anh V không cung cấp ý kiến cho Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Kim T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Minh V đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham dự phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T và anh V.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim T, xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kim T và anh Nguyễn Minh V chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn ngày 28/8/2002 tại Ủy ban nhân xã LT, huyện CL, tỉnh Tiền Giang nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo chị T trình bày: Chị và anh V phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018, nguyên nhân do anh V thường hay uống rượu, khi uống rượu về thì hay chửi mắng, dọa giết, có nhiều lời lẽ xúc phạm chị, chị và anh V đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Qua lời trình bày của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình chung sống chị T và anh V đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V thường hay uống rượu, khi uống rượu về thì hay chửi mắng, dọa giết, có nhiều lời lẽ xúc phạm chị T. Do mâu thuẫn nên vào năm 2019 chị T đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh V, sau khi Tòa án hòa giải chị T và anh V đã đoàn tụ. Tuy nhiên sau khi đoàn tụ, chị T và anh V vẫn phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Anh Nguyễn Minh V vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị T, không tham gia các phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, qua đó cho thấy anh V không có mong muốn hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau”. Thế nhưng giữa chị T và anh V đã không còn tình nghĩa vợ chồng, không chung sống với nhau đã lâu. Xét thấy, hôn nhân giữa anh chị T và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn với anh V là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Chị T và anh V có 02 con chung tên Nguyễn Trường D, sinh ngày 20/8/2003, đã trưởng thành và Nguyễn Trường S, sinh ngày 08/12/2005, khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu S.

Xét thấy, đối với Nguyễn Trường D, sinh ngày 20/8/2003 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Trường S đã trên 07 tuổi, cháu Sơn có nguyện vọng muốn được sống với chị T. Từ lúc chị T và anh V sống ly thân cháu S sống với chị T, được chị T chăm sóc tốt.

Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ về quyền lợi mọi mặt của con, nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”.

Căn cứ vào quy định trên, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Trường S cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của cháu S.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Kim T.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Minh V.
2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trường S, sinh ngày 08/12/2005 cho chị Trần Thị Kim T tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Minh V được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Kim T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị T đã nộp 300.000đồng tạm ứng phí theo biên lai thu số 0017488 ngày 18/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, do đó xem như đã nộp xong án phí.

4. Chị Trần Thị Kim T, anh Nguyễn Minh V có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Nhơn

